TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:140/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05/9/2019.
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-----***-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nho Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Long.

Bà Phan Thị Thanh Dung

Thư ký Tòa án: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tiền, Kiểm sát viên

Ngày 05/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2019 V/v: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019, ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm: 1978; trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1973; trú tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày: Bà N và ông Phạm Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; bà N và ông H đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; trong quá trình chung sống vợ chồng bà N và ông H cũng hay xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm, bà N và ông H thường xuyên gây gỗ, không có tiếng nói chung; bà N và ông H đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm của bà N và ông H không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và cho muợn nợ: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hoà giải và đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông Phạm Văn H vi phạm pháp luật tố tụng dân sự; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Trương Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị N và ông Phạm Văn H tự nguyện tim hiểu và kết hôn vào ngày 15/8/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì giữa bà N và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà N là do ông H không lo làm phụ giúp và không quan tâm đến gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn, bà N và ông H đã tự ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho bà Trương Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho muợn nợ: Bà N khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Bà Trương Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn ông Phạm Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Trương Thị N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004186 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nui thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Tam Hải;
- UBND xã Tam Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN NHO HOÀNG